

**CÔNG TY TNHH TM DV KỲ DUYÊN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TM DV KỲ DUYÊN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3703152883

**3. Ngày thành lập:** 08/09/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

557, Đường Bùi Ngọc Thu, Khu phố 5, Phường Tương Bình Hiệp, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0925828209

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Mã ngành    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4511        |
| 2.  | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4520        |
| 3.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4530        |
| 4.  | Bán mô tô, xe máy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4541        |
| 5.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy<br>Chi tiết: Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy                                                                                                                                                                                                                                              | 4543        |
| 6.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý, môi giới                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4610        |
| 7.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>Chi tiết: Bán buôn hoa và cây                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4620        |
| 8.  | Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4631        |
| 9.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4632        |
| 10. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép<br>Chi tiết: Bán buôn thảm, đệm, chăn, màn, rèm, ga trải giường, gối và hàng dệt khác                                                                                                                                                                                                                                                 | 4641        |
| 11. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn máy chụp ảnh, máy quay phim, bộ nhớ (USB). Bán buôn văn phòng phẩm. Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện. Bán buôn giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự. Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm (có nội dung được phép lưu hành). Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh. | 4649(Chính) |
| 12. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4651        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 13. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4652 |
| 14. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị văn phòng. Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện), tổ máy phát điện, máy phát điện, động cơ điện, máy biến thế, dây điện đã hoặc chưa bọc lớp cách điện, role, cầu dao, cầu chì, thiết bị mạch điện khác. Bán buôn bàn ghế, tủ văn phòng. Bán buôn thiết bị dụng cụ đo lường, máy massage, máy lọc khí, máy lọc nước, dây chuyền sản xuất nước tinh khiết, máy sản xuất nước đá tinh khiết, bình đun nước nóng năng lượng mặt trời, máy rửa rau quả và thực phẩm, thiết bị máy xử lý rác thải. Bán buôn máy xử lý rác thải, thiết bị y tế; Bán buôn máy móc vòi phun tưới công viên cây xanh | 4659 |
| 15. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến. Bán buôn xi măng. Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi. Bán buôn kính xây dựng. Bán buôn sơn, véc ni. Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh. Bán buôn đồ ngũ kim.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4663 |
| 16. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn sản phẩm từ plastic Bán buôn phân bón. Bán buôn sợi dệt, phụ liệu may mặc và giày dép, cao su. Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại thùng phi sắt, thùng phi nhựa. Bán buôn thiết bị phòng cháy-chữa cháy; mực in; bê tông nóng; nhựa tổng hợp; nhựa đường; hạt nhựa nguyên sinh PP, PE; trang thiết bị bảo hộ lao động; chất dẻo dạng nguyên sinh; bao bì nhựa; thùng carton. Bán buôn viên nén mùn cưa, viên nén mùn khô. Bán buôn mút, xốp để làm ghế sofa. Bán buôn các sản phẩm từ nhựa. Bán buôn đá vôi, đá dolomite đã sơ chế và tinh chế. Bán buôn sản phẩm bảo hộ lao động; Bán buôn sản phẩm khác từ gỗ, viên nén gỗ, dăm gỗ                                               | 4669 |
| 17. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>Chi tiết: Tổ chức hội nghị, hội thảo, hội chợ, triển lãm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 8230 |
| 18. | Dịch vụ đóng gói<br>Chi tiết: Sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật, đóng gói phân bón                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 8292 |
| 19. | Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí<br>Chi tiết: Tổ chức biểu diễn nghệ thuật chuyên nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 9000 |
| 20. | Hoạt động của các cơ sở thể thao                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 9311 |
| 21. | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 9511 |
| 22. | Sửa chữa xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 9529 |
| 23. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 6311 |
| 24. | Cổng thông tin<br>Chi tiết: Thiết kế website                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 6312 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                        |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 25. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết: tư vấn, môi giới, quản lý bất động sản                                                                                                                                                  | 6820 |
| 26. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: lập dự toán công trình. Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình. Thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp. Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp. Hoạt động đo đạc bản đồ | 7110 |
| 27. | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nhân văn                                                                                                                                                                                           | 7222 |
| 28. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                              | 7310 |
| 29. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                                                               | 7320 |
| 30. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Thiết kế đồ họa. Hoạt động trang trí nội thất. Thiết kế quảng cáo                                                                                                                                                          | 7410 |
| 31. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                                 | 7710 |
| 32. | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                | 1622 |
| 33. | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện<br>Chi tiết: sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất viên nén gỗ, dăm gỗ                                                                                                       | 1629 |
| 34. | In ấn                                                                                                                                                                                                                                                                  | 1811 |
| 35. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                                                                                                                    | 4931 |
| 36. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                                                                                                                                                       | 4932 |
| 37. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                         | 4933 |
| 38. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                       | 5224 |
| 39. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải                                                                                                                                                                                                                    | 5229 |
| 40. | Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình<br>Chi tiết: Hoạt động sản xuất chương trình truyền hình                                                                                                                                      | 5911 |
| 41. | Hoạt động hậu kỳ                                                                                                                                                                                                                                                       | 5912 |
| 42. | Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình<br>Chi tiết: Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video                                                                                                                                   | 5913 |
| 43. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng                                                                                                                                        | 7730 |
| 44. | Cung ứng và quản lý nguồn lao động<br>Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước                                                                                                                                                                          | 7830 |
| 45. | Điều hành tua du lịch                                                                                                                                                                                                                                                  | 7912 |
| 46. | Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt                                                                                                                                                                                                                      | 8129 |

|     |                                                                                                                                                                         |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 47. | Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác<br>Chi tiết: Photo, chuẩn bị tài liệu                                                          | 8219 |
| 48. | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế<br>Chi tiết: Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng sắt, inox. Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ                                          | 3100 |
| 49. | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Sản xuất bảng hiệu, vật phẩm quảng cáo; các sản phẩm tổ chức sự kiện.                                                 | 3290 |
| 50. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                              | 3312 |
| 51. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                    | 4752 |
| 52. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759 |
| 53. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                | 4773 |

**6. Vốn điều lệ:** 9.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: HỒ THỊ OANH

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 22/10/1993

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 075193002586

Ngày cấp: 01/05/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Khu 1, Ấp 1, Xã Phú Ngọc, Huyện Định Quán, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Khu 1, Ấp 1, Xã Phú Ngọc, Huyện Định Quán, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: HỒ THỊ OANH

Giới tính: Nữ

Chức danh: Chủ tịch công ty kiêm giám đốc

Sinh ngày: 22/10/1993

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 075193002586

Ngày cấp: 01/05/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Khu 1, Ấp 1, Xã Phú Ngọc, Huyện Định Quán, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Khu 1, Ấp 1, Xã Phú Ngọc, Huyện Định Quán, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Dương